ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58/2022/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 104/HĐND-KTNS ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4157/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này:

a) Diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định là diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp. Việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức phải đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (gọi tắt là cơ quan, tổ chức).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (gọi tắt là đơn vị).

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng cho các hoạt động:

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m^2)		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính			
a)	Trung tâm hành chính công tỉnh	1.000		
b)	Trung tâm hành chính công thành phố Huế		300	
c)	Trung tâm hành chính công các huyện, thị xã		200	
d)	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác	50	50	120
2	Diện tích sử dụng để tiếp dân			
a)	Ban tiếp công dân của tỉnh (thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)	400		
b)	Bộ phận tiếp nhận thông tin người dân của Trung tâm giám sát và điều hành đô thị thông minh (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông)	300		
c)	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác	70	100	70
3	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin			
a)	Trung tâm giám sát và điều hành đô thị thông minh (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông)	120		
b)	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác	50	50	40
4	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	Theo quy mô, biên chế được duyệt và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam		
5	Kho lưu trữ, bảo quản tài sản, tài liệu	250	300	200

6	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù (trực ban phòng, chống thiên tai, phòng chống cháy nổ, truyền thanh, truyền hình …) trừ một số đơn vị đặc thù quy định tại khoản 2 Điều này.	50	150	120

2. Định mức sử dụng diện tích tối đa khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của một số đơn vị đặc thù:

a) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: 820 m^2 (trực phát sóng; Studio: sản xuất chương trình, quảng cáo và chuyên đề; Khu vực dựng hình và sever lưu trữ trung tâm; trung tâm giao dịch quảng cáo);

b) Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế: 2.500 m^2 (Nhà lập của Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế, kho bảo quản trang phục biểu diễn, âm thanh, dụng cụ dung trong các lễ tế, vật dụng dùng trong các lễ tế, vật dụng dùng tổ chức tiệc cung đình);

c) Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế thuộc Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế: 2.000 m^2 (Kho cổ vật);

d) Trung tâm Festival Huế: 450 m^2 (Kho đạo cụ, trang thiết bị máy móc, kỹ thuật);

Đối với diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị đặc thù khác (nếu có), căn cứ nhu cầu thực tế cơ quan, tổ chức, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính tham gia về nhu cầu xây dựng và Sở Xây dựng tham gia về diện tích sử dụng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình thực hiện Quyết định.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, NN, TC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Phan Quý Phương